**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên học phần:
 | **CHĂM SÓC SỨC KHỎE** **NGƯỜI LỚN BỆNH CƠ XƯƠNG KHỚP**  |
| * Mã học phần:
 | 61063067 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:
 | ☑ Kiến thức chuyên ngành |
| * Số tín chỉ:
 | 2 tín chỉ (2 lý thuyết + 0 thực hành) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 30 tiết lý thuyết (8 buổi) |
| + Số giờ tự học | 60 giờ |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: |  0 Thực hành  |
| * Học phần tiên quyết:
 | Giải phẫu học- Mô học, Sinh lý, Vi sinh - Ký sinh trùng, Dược lý, Điều dưỡng cơ sở 1, Điều dưỡng cơ sở 2, Kỹ năng giao tiếp, Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng, Tâm lý y học và đạo đức nghề nghiệp, Bệnh học nội-ngoại khoa |

**1.Mô tả học phần**

Học phần này cung cấp kiến thức cho sinh viên về việc chăm sóc toàn diện và hiệu quả nhằm phục hồi, duy trì, nâng cao sức khỏe cho người bệnh/người thân thuộc các bệnh lý chuyên khoa cơ xương khớp. Học phần này giúp sinh viên nắm bắt được các dữ kiện dựa trên các nhu cầu sức khỏe của người bệnh/người thân, nhận định, phân tích, đưa ra chẩn đoán, lập kế hoạch và dự định thực hiện các can thiệp điều dưỡng một cách chính xác dựa trên bằng chứng. Bên cạnh đó sinh viên có khả năng phát triển kỹ năng giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh/người thân một cách tổng quát theo từng bệnh lý chuyên khoa.

**2**.**Nguồn học liệu**

**Giáo trình:**

[1]. Bộ môn Điều dưỡng - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2016). *Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa*. [Lưu hành nội bộ]

[2]. Bộ môn Điều dưỡng - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2017). *Giáo trình Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa*. [Lưu hành nội bộ].

 **Tài liệu khác :**

[1]. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2012). *Bài giảng bệnh học nội khoa.*

[2]. Đại học Y Dược TP. HCM- Bộ môn ngoại (2008). Bệnh học chỉnh hình. [Lưu hành nội bộ].

[3]. Nguyễn Đạt Anh, Nguyễn Thị Hương (2012). *Các xét nghiệm thường quy áp dụng trong thực hành lâm sàng.* Nhà xuất bản Y học.

[4]. Nguyễn Tấn Cường (2009). *Điều dưỡng ngoại Tập 1*, 2. Nhà xuất bản Giáo dục.

[5]. Daniels R.,Nicoll H.L (2012). Contemporary Medical-Surgical Nursing. USA. Delmar

[6]. Donna D. I., & Workman M.L., (2016). Medical-Surgical Nursing: Patient-Centered Collaborative Care (8th ed.). Elsevier

[7]. Janice L. H., & Kerry H. C, (2014). Brunner & Suddarth's Textbook of Medical-Surgical Nursing (13th ed). Wolters Kluwer: Lippincott Williams & Wilkins

[8]. Lewis, S.L, Dirksen, S.R., Heitkemper, M.M, Bucher, L, (2014) Medical-Surgical Nursing: Assessment and Management of Clinical Problems, 9th edition.  Elsevier-Mosby.

1. **Mục tiêu học phần**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Nhận biết các dấu hiệu, triệu chứng những bệnh lý nội – ngoại khoa thuộc hệ cơ xương khớp | C2 |
| MT2 | Vận dụng nền tảng kiến thức bệnh học liên quan để nhận định và phân tích tình trạng người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh thuộc các bệnh lý chuyên khoa hệ cơ xương khớp | C3, C4, C5, C15 |
| MT3 | Thực hành giao tiếp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh và nhân viên y tế thông qua tình huống, đóng vai. Chấp nhận tính thận trọng, tận tình, chính xác và thông cảm với người bệnh trong quá trình theo dõi và điều trị. | C6, C8, C9, C15 |
| MT4 | Thực hành tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người thân về tiến triển của các bệnh lý, quá trình chăm sóc, phòng ngừa và nâng cao sức khỏe cho người bệnh thuộc các bệnh lý chuyên khoa cơ xương khớp. | C8, C9, C10, C15 |
| MT5 | Giải thích cho người bệnh và thân nhân tiến trình bệnh thông qua dấu hiệu và triệu chứng bệnh/ các rối loạn bệnh lý cơ xương khớp  | C2, C8, C15 |

1. **Đánh giá học phần**

Điểm đánh giá bộ phận theo thang điểm 10 theo quyết định số 17/VBHN-BGDĐT của Bộ giáo dục Đào tạo, làm tròn đến một chữ số thập phân.Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT học phần**  | **Tỷ lệ (%)** |
| A1. Đánh giá thường xuyên | Điểm nội quy, chuyên cần, tác phong, phát biểu ý kiến, tham gia thảo luận trên lớp |  | 30% |
| Bài tập nhóm theo chủ đề | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 |
| A2. Đánh giá cuối kì | Trắc nghiệm và tình huống trắc nghiệm | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 | 70% |

* Sinh viên đủ điều kiện dự thi cuối kỳ khi không vắng quá 20% tổng số tiết của môn học và hoàn thành các bài đánh giá giữa kỳ
* Điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
* Điểm học phần được tính bằng tổng các điểm đánh giá thường xuyên và đánh giá cuối kỳ (A1 + A2 = 100%)
* Điểm đánh giá cuối kỳ là bắt buộc cho mọi đối tượng.
* Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sinh viên được đánh giá:

+ Đạt khi điểm tổng kết học phần > 4.0

+ Không đạt nếu < 4,0

**TEST BLUEPRINT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| MỤC TIÊU | Tỉ lệ % / số câu | Nhớ lại30% | Hiểu40% | Áp dụng30% |
| 1. Nhận biết các dấu hiệu, triệu chứng những bệnh lý nội – ngoại khoa thuộc hệ cơ xương khớp | 20% | 16  | 5 câu | 6 câu | 5 câu |
| 2. Vận dụng nền tảng kiến thức bệnh học liên quan để nhận định và phân tích tình trạng người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục sức khỏe cho người bệnh thuộc các bệnh lý chuyên khoa hệ cơ xương khớp | 30% | 24 | 7 câu | 10 câu | 7 câu |
| 3. Thực hành giao tiếp hiệu quả với người bệnh, thân nhân người bệnh và nhân viên y tế thông qua tình huống, đóng vai. Chấp nhận tính thận trọng, tận tình, chính xác và thông cảm với người bệnh trong quá trình theo dõi và điều trị. | 20% | 16  | 5 câu | 6 câu | 5 câu |
| 4. Thực hành tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người thân về tiến triển của các bệnh lý, quá trình chăm sóc, phòng ngừa và nâng cao sức khỏe cho người bệnh thuộc các bệnh lý chuyên khoa cơ xương khớp. | 20% | 16 | 5 câu | 6 câu | 5 câu |
| 5. Giải thích cho người bệnh và thân nhân tiến trình bệnh thông qua dấu hiệu và triệu chứng bệnh/ các rối loạn bệnh lý cơ xương khớp  | 10% | 8 | 2 câu | 4 câu | 2 câu |

**5. Nội dung giảng dạy**

| **Nội dung** | **Số tiết** | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp 21 tiết** | **Trực tuyến****9 tiết** | **Tự học 60 tiết** |
| 5.1 Tổng quan hệ cơ xương khớp* Cấu trúc và chức năng của hệ cơ xương khớp
* Giải phẫu sinh lý hệ cơ xương khớp
* Thăm khám đánh giá cơ xương khớp
* Ảnh hưởng của lão hóa trên hệ cơ xương khớp
* Những bệnh lý cơ xương khớp có khả năng di truyền
 | 7 | 3 | 12 | MT1, MT2, MT3 | Đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối kì |
| 5.2. Viêm xương khớp và các bệnh mô liên kết* CSSK Người bệnh viêm đa khớp dạng thấp
* CSSK NB viêm xương
* CSSK Người bệnh loãng xương
* CSSK Người bệnh gout
 | 5 | 2 | 20 | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 | Đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối kì |
| 5.3. Các tổn thương do chấn thương cơ xương khớp và phẫu thuật chỉnh hình* CSSK Người bệnh bong - gân trật khớp (Tuyết)
* CSSK Người bệnh chấn thương cột sống (chuyển sang ngoại TK)
* CSSK Người bệnh gãy xương (các loại gãy xương, ảnh hưởng của gãy xương đến thần kinh, mạch máu, chèn ép khoan, huyết khối tĩnh mạch)
* Chăm sóc người bệnh Bó bột, Kéo tạ
* CSNB mổ xương, thay khớp, khung cố định ngoài.
 | 7 | 3 | 24 | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 | Đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối kì |
| **Ca lâm sàng**  | 2 | 1 | 4 | MT1, MT2, MT3, MT4, MT5 | Đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối kì |
| **Tổng** | **21** | **9** | **60** |  |  |

**6. Phương pháp giảng dạy**

* Áp dụng phương pháp đảo chiều: lấy sinh viên làm trung tâm, sinh viên chủ động tự học ngoài lớp và tích cực tư duy, thảo luận trên lớp
* Áp dụng phương pháp dạy học cho người lớn (Adult learning principles) theo 7 nguyên tắc: sinh viên tự định hướng dưới sự hướng dẫn của giảng viên, đặt mục tiêu học tập, kinh nghiệm dạy và học, thực hiện nhiệm vụ học tập dựa trên mục tiêu đã thiết lập, các động lực liên quan thúc đẩy việc học tập, tôn trọng lẫn nhau và tạo bầu không khí vui vẻ trong buổi học
* Diễn đàn trao đổi, thảo luận qua phần mềm Microsoft Teams

**6.1 Lên lớp:** 70%/tổng số tiết = 21 tiết (6 buổi)

* Cho sinh viên thuyết trình, video, diễn giải, câu hỏi trả lời ngắn chung cho lớp
* Thảo luận, phân tích 1 đến 2 ca lâm sàng tùy theo bài, chia nhóm lớn thảo luận: khoảng 12 nhóm/lớp, 15 sinh viên/nhóm; đóng vai giao tiếp dựa theo tình huống: từ 1 đến 2 cặp sinh viên lên đóng vai, quan sát nhận xét, chia sẻ kinh nghiệm thực tế
* Bài trắc nghiệm post-test cho từng chương, thực hiện vào buổi cuối khi dạy xong 1 chương, khoảng 7 – 8 câu/bài, 1 câu/40 giây qua phần mềm Polleverywhere

**6.2 Trực tuyến qua phần mềm Microsoft Teams:** 30%/ tổng số tiết = 9 tiết (2 buổi)

* Chia 2 ca: khoảng 24 nhóm/lớp, 1 nhóm 7 đến 8 sinh viên, mỗi ca 12 nhóm
* Nếu lịch học buổi sáng, thì: ca 1 từ 7 giờ 30 đến 9 giờ, ca 2 từ 9 giờ 30 đến 11 giờ
* Nếu lịch học buổi chiều, thì: ca 1 từ 13 giờ đến 14 giờ 30, ca 2 từ 15 giờ đến 16 giờ 30
* Thảo luận các tình huống nhỏ dựa trên thực tế, lâm sàng.

**7. Công cụ giảng dạy:** phòng học có sức chứa khoảng 180 đến 200 người, mạng internet, máy chiếu, máy vi tính, chuột vi tính, pointer, giấy Ao, A4, bút lông xanh, đỏ, phấn, bảng, phần mềm: Polleverywhere, Khoot, Microsoft Teams…

**8. Quy định của học phần**

* Sinh viên tham gia lớp học đầy đủ và đúng giờ
* Sinh viên vắng mặt quá 20% tổng số tiết học lý thuyết (bao gồm tại lớp và trực tuyến) sẽ không được tham dự kiểm tra tổng kết cuối kỳ
* Sinh viên phải hoàn thành đủ 100% tổng số bài tập được giao và nộp đúng thời hạn. Không hoàn thành phần nào thì phần đó bị đánh giá là không điểm (0 điểm)
* Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi lần một và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).
* Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ

**9. Phụ trách học phần:**

* Phân môn Nhiễm - Bộ môn Điều dưỡng - Khoa Điều Dưỡng - Kỹ Thuật Y học, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, thành phố Hồ Chí Minh
* Điện thoại liên hệ: (08) 38570760